

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH ĐỒNG THÁP

Bản án số: 28/2025/HS-ST

Ngày: 27-11-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Dũng

2. Ông Nguyễn Việt Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Lệ Huyền là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa /1262025/HSST-QĐ ngày 17/11/2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Trung T**; sinh năm 1994, tại Đồng Tháp; Tên gọi khác: Không có; Nơi thường trú: Tổ 10, khóm H, phường C, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Nguyễn Trung T1 và bà Nguyễn Ngọc Anh T2; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Vợ con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam ngày 13/5/2025; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an tỉnh Đồng Tháp; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Lê Thị Ngân H, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp Mỹ Đ, xã Mỹ Q, tỉnh Đ. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Phạm Thành T, sinh năm 2004;

Địa chỉ: Số 294, ấp B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ (nay là xã L, tỉnh Đ).

(vắng mặt)

2. Nguyễn Thành L, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Khóm 1, phường M, tỉnh Đ. (vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Lê Kim T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 657C, đường P, phường C, tỉnh Đ. (vắng mặt)
2. Ông Lê Văn S, sinh năm 1973;
3. Bà Phạm Thị Thu V, sinh năm 1979;
Cùng địa chỉ: Tổ 6, ấp M, xã M, tỉnh Đ. (có mặt)
4. Dương Văn L, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn M, huyện Tháp M, tỉnh Đ (nay xã T, tỉnh Đ).
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 9/2022 đến tháng 9/2024, Nguyễn Ngọc Trung T và Lê Thị Ngân H có quan hệ tình cảm nam nữ. Trong thời gian này, T nảy sinh ý định lưu giữ hình ảnh, video nhạy cảm của H nhằm uy hiếp và níu kéo tình cảm. Lợi dụng những lần cả hai quan hệ tình dục với nhau, Tín lén dùng điện thoại Iphone 14 Pro Max chụp 02 tấm ảnh H khóa thân, đồng thời sử dụng điện thoại Iphone 15 Pro Max màu trắng xám quay 01 video cảnh cả hai quan hệ tình dục và 01 video H khóa thân đang mặc lại quần áo. Sau đó, T chuyển 02 ảnh khóa thân sang lưu trong điện thoại Iphone 15 Pro Max, xóa toàn bộ dữ liệu trong Iphone 14 Pro Max rồi bán chiếc điện thoại này cho người lạ, không rõ lai lịch. Đến ngày 12/9/2024, khi H nhắn tin đề nghị chia tay, T không đồng ý, nhiều lần nhắn tin níu kéo. Lúc này, Tín nói với H việc Tín đang lưu giữ các hình ảnh, video nhạy cảm của Huỳnh, nhằm để H tiếp tục duy trì mối quan hệ.

Từ ngày 26/12/2024 đến 31/12/2024, Tín nhiều lần nhắn tin yêu cầu Huỳnh đi chơi và ở lại qua đêm để quan hệ tình dục. Khi H từ chối, T liên tục gửi tin nhắn với nội dung đe dọa như: “Uk em k đi đi t lam lớn chuyen k”; “Em thích k t lam tới lun”; “Em ma vay thi dung trach a ve sau nha”; “E doi a dien len lm nay kia e moi chiu dung k”; “A dien len thi em dung trach”; “Em mun sang nhat thap muoi thi a choi toi cung vs em”; “Bất qua 1 ng thi bi danh du 1 ng đi tù hoac án nay kia”; “Em cứ nhu vay hoai thi a điên lên thi em hiểu roi đo..a k so bat cứ gì nua r”. H vẫn không đồng ý gặp T, T tiếp tục hăm dọa sẽ kể cho bạn bè và mẹ của H biết việc H từng quan hệ tình dục, có thai và phá thai; đồng thời sẽ tung hình ảnh nhạy cảm của H để làm mất danh dự.

Ngoài ra, Tín tạo tài khoản Facebook giả tên “Nguyễn N”, dùng tài khoản này gửi video H khóa thân đang mặc quần áo qua Messenger cho Facebook “Nguyễn T”, rồi chụp màn hình tin nhắn gửi lại cho H nhằm gia tăng uy hiếp. Sau đó, T còn trực tiếp gửi cho H 02 hình ảnh khóa thân kèm lời đe dọa sẽ đăng tải công khai trên mạng xã hội. Trước các hành vi đe dọa, uy hiếp của T nên Huỳnh đồng ý hẹn gặp mặt để trao đổi việc chia tay và yêu cầu T xóa toàn bộ hình ảnh, video nhạy cảm.

Do T đi làm thuê và sinh sống tại thành phố H nên khoảng 01 giờ ngày 03/01/2025, T đi xe khách từ Thành phố H về phường C, đến dịch vụ du lịch Hải L thuê xe ô tô hiệu Hyundai màu trắng, biển số 66A-274.57 để đi gặp Lê Thị Ngân H. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, T có mặt tại khu vực đầu cầu Nguyễn Văn T A, thuộc khóm 2, xã M, tỉnh Đ chờ H. Mặc dù xe ô tô vẫn bình thường, nhưng T nhắn tin nói dối với Huỳnh là xe hư, kêu H mang theo kéo để sửa. H từ chối thì T tỏ thái độ nóng giận, liên tục nhắn tin, gọi điện thúc giục. Đến khoảng 07 giờ 14 phút cùng ngày, H một mình điều khiển xe mô tô hiệu Vision màu đỏ, biển số 66M1-659.37 đến điểm hẹn.

Khi gặp nhau, Tín kêu H lên xe ô tô bằng cách đứng cạnh cửa sau bên phải đang mở và kêu H vào ghế sau lấy dây điện đưa cho T. Nghi ngờ T có ý đồ không tốt nên H không làm theo yêu cầu thì bị T kéo tay lôi vào trong xe, đẩy ngã vào ghế sau. H chống cự, la hét kêu cứu thì T dùng tay bịt miệng. Trong lúc giằng co, H cắn vào tay và mặt của T, đồng thời H bị trầy xước vùng má trái. Lúc này có ông Dương Văn L ở gần đó, nghe tiếng kêu cứu chạy đến mở cửa xe can ngăn thì T, nói dối là “hai vợ chồng cãi nhau”. Sau đó, T nhanh chóng đóng cửa, lái xe đi với tốc độ cao về hướng Gò T, để H ngồi phía sau xe trong tình trạng tinh thần hoảng loạn. Trên đường đi, T yêu cầu H đưa điện thoại cho T giữ và buộc H phải nhắn tin xin nghỉ làm một ngày. Lúc này, bà Phạm Thị Thu V là mẹ của H gọi điện đến thì nghe H khóc trong điện thoại, bà V nghi ngờ H bị T khống chế nên đến Công an xã M trình báo.

Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, T chở H đến Nhà nghỉ K thuộc tổ 35, khóm 4, phường C, tỉnh Đ. Khi H không đồng ý vào nhà nghỉ, T đe dọa: “*Nếu em không vào nhà nghỉ thì anh không biết khi mất bình tĩnh thì anh sẽ làm gì*”, đồng thời T đe dọa sẽ tung hình ảnh, video nhạy cảm của H, H lo sợ T sẽ làm như lời đe dọa nên đồng ý đi theo T vào phòng số 209, tại đây, H miễn cưỡng giao cấu với T 03 lần. Sau lần giao cấu thứ hai, H giả vờ vào nhà vệ sinh, lén dùng điện thoại gửi vị trí cho mẹ của H rồi xóa tin nhắn. Khoảng 12 giờ cùng ngày, bà V nhận được tin nhắn của H gửi có vị trí nên trình báo Công an phường C. Đến 14 giờ, Công an Phường M, thành phố C (nay là Công an phường C) kiểm tra hành chính tại Nhà nghỉ Kim P, phát hiện T và H đang ở trong phòng 209 nên mời cả hai về trụ sở làm việc.

Tại Công an Phường M, thành phố C (nay là Công an phường C) H tố cáo T có hành vi dùng vũ lực bắt người và dùng hình ảnh để đe dọa, ép buộc H quan hệ tình dục trái ý muốn.

Tại Bản kết luận giám định xâm hại tình dục số 07/KLXHTD-TTPYĐT, ngày 09/01/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Tháp, kết luận: Màng trinh giãn, vết rách cũ vị trí 5 giờ, 11 giờ; 02 vết thương phần mềm vùng mặt trái, kích thước nhỏ; Vết biến đổi sắc tố da vùng nhân trung; Vết biến đổi sắc tố da vùng môi trên bên phải; 02 vết biến đổi sắc tố da vùng giữa cổ; Vết biến đổi sắc tố da

vùng giữa ngực. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Thị Ngân H tại thời điểm giám định là 08%. Không tìm thấy tinh trùng trong mẫu thử.

Tại Bản kết luận giám định số 310/KL-KTHS, ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Không phát hiện dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh đối với tệp tin video trong mẫu cần giám định.

Vật chứng thu giữ: 01 nón bảo hiểm màu hồng, phía sau nón có chữ nón sơn, đã qua sử dụng; 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, màu trắng, biển số đăng ký 66A-274.57; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng xám; 01 điện thoại di động Huawei. Quá trình điều tra đã trả lại nón bảo hiểm nói trên cho Lê Thị Ngân H. Đối với xe ô tô biển số 66A-274.57 do anh Phạm Thành T1 đứng tên chủ sở hữu, anh T1 gửi xe cho dịch vụ du lịch Hải L do anh Nguyễn Thành L làm chủ để cho thuê xe dịch vụ, nên Cơ quan điều tra đã trả xe lại cho anh T1, anh T1 không yêu cầu T bồi thường chi phí sửa xe.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại 20.000.000 đồng. Bị hại có đơn không yêu cầu xử lý hình sự về hành vi cưỡng dâm và bắt người trái pháp luật của bị cáo. Đối với các vết thương trên cơ thể bị hại, bị hại xác định do trong lúc giằng co, xô xát với bị cáo trên xe ô tô mà có, không yêu cầu xử lý hình sự về hành vi cố ý gây thương tích đối với Nguyễn Ngọc Trung T.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Ngọc Trung T khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung đã nêu trên, phù hợp với biên bản khám nghiệm, bản ảnh, sơ đồ hiện trường, biên bản đối chất, kết luận giám định, lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKS-KV6 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Trung T về tội “*Cưỡng dâm*” và tội “*Bắt người trái pháp luật*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 143 và khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu và thống nhất với tội danh Viện kiểm sát đã truy tố, xác định Viện kiểm sát truy tố không oan cho bị cáo. Bị cáo xác định, bị cáo đã dùng video, hình ảnh nhạy cảm do bị cáo quay lại trong lúc quan hệ tình dục giữa bị cáo và bị hại trước đó nhằm để uy hiếp, đe dọa tinh thần bị hại nếu bị hại chia tay với bị cáo, làm cho bị hại phải lệ thuộc vào bị cáo, vào ngày 03/01/2025 bị cáo đã bắt bị hại lên xe và chở bị hại vào nhà nghỉ để giao cấu với bị cáo 03 lần, bị cáo nhận thức được khi quan hệ với bị cáo thì bị hại hoàn toàn không tự nguyện. Thời gian tạm giam bị cáo đã rất hối hận về hành vi của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại chỉ vì không muốn chia tay nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

Bị hại trình bày: Bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường 20.000.000 đồng từ bị cáo, đây là khoảng tiền bồi thường cho cả hai tội, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự. Bị hại yêu cầu xử lý hình sự bị cáo về hành vi cưỡng dâm và bắt người trái pháp luật. Tuy nhiên, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo của cả hai tội danh.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Trung T, phạm tội “*Cưỡng dâm*” và phạm tội “*Bắt người trái pháp luật*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 143, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội “*Cưỡng dâm*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo mức án từ 06 tháng đến 01 năm tù về tội “*Bắt người trái pháp luật*”

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Trung T mức án từ 04 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị như cáo trạng đã nêu.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì đối với luận tội của Kiểm sát viên. Bị hại không có ý kiến trình bày tranh luận.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm, bản ảnh, sơ đồ hiện trường, biên bản đối chất, kết luận giám định, lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Vào khoảng 07 giờ 14 phút, ngày 03/01/2025, tại địa điểm cầu Nguyễn Văn T, thuộc xã M, tỉnh Đ, bị cáo Nguyễn Ngọc Trung T đã có hành vi bịt miệng khổng ché, kéo bị hại Lê Thị Ngân H vào xe ô tô biển số 66A-274.57 và khóa cửa xe lại. Cùng với hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần bị hại, bị cáo đã điều khiển xe ô tô chở bị hại đến phường C thuê phòng số 209 nhà nghỉ K thuộc tổ 35, khóm B, phường C, tỉnh Đ (nay là phường C, tỉnh Đ) buộc bị hại phải miễn cưỡng giao cấu với bị cáo 03 lần.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã thành niên có học vấn và nhận thức được quy định pháp luật, lẽ ra khi có tình cảm yêu thương với bị hại, bị cáo phải có trách nhiệm chăm sóc, yêu thương, bảo vệ bị hại nhưng vì sự ích kỷ của bản thân, nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu tình dục, ràng buộc níu giữ quan hệ tình cảm từ một phía, bất chấp sự phản kháng của bị hại, bị cáo dùng sức mạnh để bắt bị hại phải lên xe cùng với bị cáo một cách trái pháp luật, đồng thời với hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần đăng những video, hình ảnh nhạy cảm khiến bị hại phải lệ thuộc và miễn cưỡng giao cấu trái ý muốn với bị cáo 03 lần, bị cáo đã thực hiện các hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

Các hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, ảnh hưởng thể chất và tinh thần của bị hại, gây dư luận xấu trong xã hội nhất là địa phương nơi xảy ra vụ án. Từ những phân tích nêu trên, hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc Trung T đã đủ yếu tố cấu thành các tội “*Cưỡng dâm*” và “*Bắt người trái pháp luật*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 143 và khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Điều 143. Tội cưỡng dâm, quy định:

“1. Người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu hoặc miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) ...

b) Phạm tội 02 lần trở lên.”

Điều 157. Tội bắt người trái pháp luật, quy định:

“1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000

đồng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Đối với tội bắt người trái pháp luật bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ các hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với hai điện thoại di động của bị cáo đang bị thu giữ là công cụ thực hiện hành vi đe dọa, uy hiếp và liên lạc với bị hại để thực hiện hành vi phạm tội gồm điện thoại nhãn hiệu Iphone và nhãn hiệu Huawei nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[8] Các vấn đề khác: Đối với xe ô tô biển số 66A-274.57 bị cáo thuê hôm xảy ra vụ án là của anh Phạm Thành T1 đứng tên chủ sở hữu, anh T1 gửi xe cho dịch vụ du lịch Hải L do anh Nguyễn Thành L làm chủ để cho thuê xe dịch vụ. Cơ quan điều tra đã trả xe lại cho anh T1, anh T1 và anh L không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan chi phí sửa xe, tiền thuê xe đối với bị cáo, các bên tự thỏa thuận giải quyết. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh và hình phạt là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Trung T, phạm tội “*Cưỡng dâm*” và phạm tội “*Bắt người trái pháp luật*”.

1.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 143, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Trung T 03 (ba) năm tù, về tội “*Cưỡng dâm*”.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Trung T 06 (sáu) tháng tù, về tội “*Bắt người trái pháp luật*”.

1.3. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Trung T phải chấp hành là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/5/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng - xám, số máy MU683LL/A, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Huawei, số Imei 2: 863196040829824 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

(Vật chứng nêu trên do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/10/2025).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Trung T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND KV6 - Đồng Tháp;
- CQ CSĐT CAT;
- CQ THAHS CAT;
- Phòng HSNV CAT;
- Thi hành án dân sự Tỉnh;
- Bị cáo và NTGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ong Thị Ngọc Tâm